TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn S, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Ph, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh S có mặt; chị Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh với chị Võ Thị Ph tự nguyện chung sống năm 2001, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sự việc được hai bên thân tộc hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh nhận thấy giữa anh với chị Ph

không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph.

- Về con chung: Anh S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung Võ Nhật T sinh năm 2003 (chết năm 2017) và Võ Duy Đ sinh năm 2006 đang sống cùng chị Ph. Khi ly hôn anh tự nguyện giao cháu Đ cho chị Ph nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh S xác định vợ chồng không có tài sản không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Anh S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Ph không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh S, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị Ph không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ph.

[2] Về hôn nhân: Anh S với chị Ph chung sống với nhau năm 2001, anh, chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh S xác định giữa anh với chị Ph không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph, đối với chị Ph không có ý kiến. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S và chị Ph.

[3] Về con chung: Anh S và chị Ph có 02 người con tên Võ Nhật T sinh năm 2003 (chết) nên không đặt ra xem xét; đối với cháu Võ Duy Đ sinh ngày 11/12/2006 đang sống cùng chị Ph. Tại phiên tòa anh S xác định từ khi anh chị ly thân cháu Đ do chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua cháu Đ phát triển tốt về mọi mặt nên anh tự nguyện giao cháu Đ cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng; đối với chị Ph không có ý kiến gì về con chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đ cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị Ph không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Võ Văn S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với chị Ph không có ý kiến về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh S xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với chị Ph không có ý kiến về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Võ Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Văn S và chị Võ Thị Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Duy Đ sinh ngày 11/12/2006 cho chị Võ Thị Ph được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Anh S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Võ Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009565 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng